

TRƯỜNG THPT PHẠM PHÚ THÚ
NHÓM LỊCH SỬ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I
MÔN : LỊCH SỬ 11, Năm học (2023-2024)

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) : HS ôn tập từ bài 1 đến hết bài 8

Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản

Câu 1. Lực lượng nào sau đây thuộc Đẳng cấp thứ nhất trong xã hội Pháp (cuối thế kỉ XVIII)?

- A. Giai cấp tư sản. B. Nông dân. C. Tầng lớp Giáo hội. D. Bình dân thành thị.

Câu 2. Ở Pháp, nền tảng của hệ tư tưởng dân chủ tư sản chính là

- A. Cải cách tôn giáo. B. Văn hóa Phục hưng.
C. thuyết Kinh tế học cổ điển. D. Triết học Ánh sáng.

Câu 3. Trên lĩnh vực kinh tế, mục tiêu cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản là thúc đẩy sự phát triển của

- A. kinh tế hàng hóa. B. kinh tế tự nhiên.
C. cơ chế kế hoạch hóa. D. cơ chế quan liêu bao cấp.

Câu 4. Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. giai cấp tư sản và quý tộc mới. B. giai cấp tư sản và chủ nô.
C. giai cấp tư sản. D. giai cấp vô sản.

Câu 5. Một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu của cuộc Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) là

- A. Ô. Crôm-oen. B. G. Oa-sinh-ton. C. M. Rô-be-spie. D. V.I. Lê-nin.

Câu 6. Lực lượng nào giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (cuối thế kỉ XVIII)?

- A. giai cấp tư sản và quý tộc mới. B. giai cấp tư sản và chủ nô.
C. giai cấp tư sản. D. giai cấp vô sản.

Bài 2 : Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản

Câu 1. Nửa sau thế kỉ XVII, chủ nghĩa tư bản được xác lập ở

- A. Hà Lan và Anh. B. I-ta-li-a và Đức. C. Anh và Bắc Mỹ. D. Pháp và Bắc Mỹ.

Câu 2. Vào cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX, đời sống kinh tế - xã hội của các nước Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ có sự chuyển biến to lớn, do tác động của

- A. cách mạng 4.0. B. cách mạng nhung.
C. cách mạng công nghiệp. D. cách mạng công nghệ.

Câu 3. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn

- A. tự do cạnh tranh. B. đế quốc chủ nghĩa.
C. chủ nghĩa tư bản hiện đại. D. chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Câu 4. Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình xâm lược thuộc địa nhằm

- A. tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ở nước ngoài.
B. giúp đỡ kinh tế và khai hóa văn minh cho các nước chậm phát triển.
C. di dân sang các nước chậm phát triển, giải quyết khủng hoảng dân số.
D. thúc đẩy sự giao lưu kinh tế và văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc

Câu 5. Cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản (bắt đầu từ năm 1868) mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản, diễn ra dưới hình thức

- A. nội chiến cách mạng. B. cải cách, canh tân đất nước.
C. chiến tranh giành độc lập. D. đấu tranh thống nhất đất nước.

Câu 6. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, cùng với việc các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã

- A. được xác lập ở châu Âu và khu vực Bắc Mỹ. B. được xác lập ở các quốc gia: Pháp, Đức, I-ta-li-a,...
- C. mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới. D. suy yếu và bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng.

Câu 7. Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự kiện nào dưới đây đã góp phần mở rộng phạm vi của chủ nghĩa tư bản ở khu vực châu Á?

- A. Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thành công. B. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.
- C. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thành công. D. Duy tân Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc thành công.

I.

Câu 8. Hình thức tiêu biểu của các tổ chức độc quyền ở Mỹ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, là

- A. các-ten. B. xanh-đi-ca. C. tơ-rót. D. công-xooc-xi-om.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về các tổ chức độc quyền ở các nước tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung sản xuất hoặc tiêu thụ hàng hóa.
- B. Tạo cơ sở cho bước chuyển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- C. Đánh dấu chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn độc quyền sang tự do cạnh tranh.
- D. Tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, như: các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rót,...

Câu 10. Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản đế quốc là sự xuất hiện của tầng lớp

- A. tư bản công nghiệp. B. tư bản ngân hàng.
- C. tư bản tài chính. D. tư bản nông nghiệp.

Câu 11. Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc là

- A. sự hình thành những khối liên minh tư bản độc quyền chia nhau thế giới.
- B. chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và cao hơn là độc quyền xuyên quốc gia.
- C. lực lượng lao động có những chuyển biến về cơ cấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.

Câu 12. Một trong những tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại là

- A. thu hẹp được khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội.
- B. giải quyết một cách triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội.
- C. có bề dày kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế.
- D. hạn chế và tiến tới xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội.

Bài 3 : Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết

Câu 1. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là

- A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới của những người lao động.
- B. huy động tối đa nhân tài, vật lực để phục vụ cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
- C. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và bảo vệ Tổ quốc.
- D. ban hành Hiến pháp mới và chiến đấu chống “thù trong giặc ngoài”.

Câu 2. Đại hội Xô viết toàn Nga lần Thứ hai, khai mạc đêm 25/10/1917 đã

- A. ban hành “Chính sách Cộng sản thời chiến”.
- B. phát động cuộc chiến đấu chống “thù trong giặc ngoài”.
- C. thông qua “Chính sách kinh tế mới” do Lê-nin soạn thảo.
- D. tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu.

Câu 3. Khi mới thành lập, Liên Xô gồm 4 nước Cộng hòa Xô viết là

- A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Lít-va. B. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.
- C. Nga, U-crai-na, Môn-đô-va và Lát-vi-a. D. Nga, U-crai-na, Tuốc-mê-nix-tan và Ác-mê-ni-a.

Câu 4. Mục tiêu của việc thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là

- A. chống lại sự tấn công của 14 nước đế quốc.
tế mới.
- B. thực hiện hiệu quả Chính sách Kinh
- C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.
- D. chống lại cuộc tấn công của phát xít Đức.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết đối với Liên Xô?

- A. Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên đất nước Xô viết.
- B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
- C. Củng cố và tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.
- D. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

Bài 4 : Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau chiến tranh thế

giới thứ hai đến nay

Câu 1. Trong những năm 1945 -1949, các nước Đông Âu đã hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân thông qua việc tiến hành nhiều chính sách tiến bộ, ngoại trừ việc

- A. tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- B. quốc hữu hóa các nhà máy, xí nghiệp của tư bản.
- C. ban hành các quyền tự do, dân chủ.
- D. cải cách ruộng đất.

Câu 2. Năm 1949, Trung Quốc đã

- A. lâm vào suy thoái, khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội.
- B. lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa.
- C. tiến hành cải cách mở cửa để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
- D. hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 3. Từ năm 1961, Cu-ba

- A. bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. phá bỏ được sự bao vây, cấm vận của Mĩ.
- C. bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mĩ.
- D. tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

Câu 4. Từ nửa cuối những năm 70 -đầu những năm 80 của thế kỉ XX, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô

- A. bước vào giai đoạn phát triển đỉnh cao.
- B. ra đời và bước đầu đạt được nhiều thành tựu.
- C. lâm vào suy thoái, khủng hoảng trên nhiều lĩnh vực.
- D. tiến hành cải cách, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 5. Thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba từ năm 1991 đã chứng minh

- A. sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động.
- B. chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.
- C. chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển và mở rộng về không gian địa lí.
- D. chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống trên phạm vi thế giới.

Câu 6. Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước châu Á, khu vực Mỹ La-tinh là cơ sở để khẳng định

- A. con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.
- B. chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển và mở rộng về không gian địa lí.
- C. chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.
- D. chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống trên phạm vi thế giới.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng thành tựu mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay)?

- A. Xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
- B. Xây dựng được nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- C. Trở thành quốc gia thứ 3 trên thế giới có tàu đưa con người bay vào vũ trụ.
- D. Vai trò và vị thế quốc tế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao.

Câu 8. Nội dung nào *không* phản ánh đúng đường lối trong công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (từ 1978 - nay)?

- A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- B. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.
- C. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.
- D. Xóa bỏ cơ chế kế hoạch quá, quan liêu, bao cấp.

Bài 5 : Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông

Nam Á

Câu 1. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây diễn ra trong bối cảnh phần lớn các nước Đông Nam Á

- A. mới được hình thành.
- B. đang là thuộc địa của Trung Hoa.
- C. đang ở giai đoạn phát triển đỉnh cao.
- D. bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng.

Câu 2. Có nhiều nguyên nhân thúc đẩy thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á hải đảo, ngoại trừ việc khu vực này

- A. có nguồn hương liệu và hàng hóa phong phú.
- B. có nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.
- C. là địa điểm bắt đầu của “con đường tơ lụa trên biển”.
- D. nằm trên tuyến đường biển nối liền phương Đông và phương Tây.

Câu 3. Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á vẫn giữ được độc lập là

- A. Việt Nam.
- B. Xiêm.
- C. Mi-an-ma.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tình hình chính trị ở các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Chính quyền thực dân thi hành chính sách “chia để trị”.
- B. Triều đình phong kiến đầu hàng, lệ thuộc vào chính quyền thực dân.
- C. Quan lại thực dân cai trị ở địa phương; cử người bản xứ cai quản trung ương.
- D. Quan lại thực dân cai trị ở trung ương; cử người bản xứ cai quản địa phương.

Câu 5. Nội dung nào sau đây *phản ánh đúng* chính sách cai trị trên lĩnh vực chính trị của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á?

- A. Tiêu diệt các thế lực phong kiến địa phương để thôn tóm quyền hành.
- B. Để cho người bản xứ nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ máy cai trị.
- C. Đàn áp các cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Đông Nam Á.
- D. Không cho phép người bản xứ tham gia vào bộ máy hành chính.

Câu 6. Trong quá trình cai trị Đông Nam Á, thực dân phương Tây chú trọng phát triển hệ thống giao thông vận tải, nhằm

- A. truyền bá văn hóa, khai hóa văn minh cho cư dân trong khu vực.
- B. hỗ trợ các nước trong khu vực khôi phục và phát triển nền kinh tế.
- C. nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân Đông Nam Á.
- D. phục vụ các chương trình khai thác thuộc địa và mục đích quân sự.

Câu 7. Những lực lượng xã hội nào mới xuất hiện ở các nước Đông Nam Á do tác động từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây?

- A. Nông dân, thợ thủ công, thương nhân.
- B. Nho sĩ phong kiến, tư sản dân tộc, trí thức mới.
- C. Tư sản dân tộc, trí thức mới, tiểu tư sản, công nhân.
- D. Công nhân, nông dân, địa chủ phong kiến, trí thức nho học.

Bài 6: Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

Câu 1. Nguyên nhân quyết định khiến thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh trong quá trình xâm lược Việt Nam (1858 - 1884) là

- A. quân Pháp từ xa đến, không quen khí hậu, địa hình Việt Nam.
- B. quan quân triều đình nhà Nguyễn có chiến thuật đánh Pháp độc đáo.

C. triều đình nhà Nguyễn kiến định lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

D. Pháp vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân Việt Nam.

Câu 2. Quá trình đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân các nước Đông Nam Á có điểm giống nhau cơ bản về

A. mục đích đấu tranh.

B. thời điểm diễn ra.

C. hình thức đấu tranh.

D. lực lượng lãnh đạo.

Câu 3. Điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 là gì?

A. Phong trào theo khuynh hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.

B. Phong trào theo ý thức hệ phong kiến thay thế phong trào theo khuynh hướng tư sản.

C. Tồn tại song song hai khuynh hướng tư sản và vô sản trong phong trào yêu nước.

D. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.

Câu 4. Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, tại Đông Nam Á, phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng tư sản diễn ra sớm nhất ở

A. Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào.

B. Thái Lan, Việt Nam, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-líp-pin.

D. Phi-líp-pin, Thái Lan, Việt Nam.

Câu 5. Trong những năm 1920 - 1939, nhân dân các dân tộc Đông Nam Á tiếp tục cuộc đấu tranh chống chính sách cai trị, bóc lột thuộc địa của các nước thực dân phương Tây với hai hình thức là

A. bãi công và cải cách ôn hòa.

B. biểu tình và tổng bãi công chính trị.

C. bất bạo động và bất hợp tác.

D. cải cách ôn hòa và bạo động vũ trang.

Câu 6. Mục tiêu đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á trong những năm 1940 - 1945 là

A. chống thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc.

B. đánh Pháp, đuổi Nhật, lật đổ chế độ phong kiến.

C. chống ách cai trị và xâm lược của quân phiệt Nhật.

D. chống phong kiến tay sai, giành ruộng đất cho dân cày.

Câu 7. Trong những năm 1945 - 1975, nhân dân các nước Đông Dương tiếp tục đấu tranh chống lại những thế lực ngoại xâm nào?

A. Thực dân Pháp và thực dân Anh.

B. Thực dân Anh và thực dân Hà Lan.

C. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

D. Thực dân Anh và thực dân Tây Ban Nha.

Câu 8. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tác động từ chính sách “chia để trị” của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á?

A. Tranh chấp biên giới.

B. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

C. Tranh chấp lãnh thổ.

D. Gắn kết khu vực và thế giới.

Câu 9. Chính sách cai trị nào của thực dân phương Tây được coi là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự chia rẽ giữa các cộng đồng dân cư ở Đông Nam Á?

A. “Đồng hóa văn hóa”.

B. “Cưỡng ép trồng trọt”.

C. “Chia để trị”.

D. “Ngu dân”.

Câu 10. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, mâu thuẫn bao trùm trong xã hội Đông Nam Á là mâu thuẫn giữa

A. nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược.

B. giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.

C. giai cấp tư sản với chính quyền thực dân.

D. giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Câu 11. Chính sách cai trị của thực dân phương Tây cũng đưa đến một số tác động tích cực đối với khu vực Đông Nam Á, ngoại trừ việc

A. du nhập nền sản xuất công nghiệp.

B. gắn kết khu vực với thị trường thế giới.

C. thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hóa.

D. các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á?

A. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn.

- B. Gắn kết Đông Nam Á với thị trường thế giới.
- C. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.
- D. Giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 13. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
- D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 14. Nội dung nào sau đây *không phản ánh đúng* hạn chế của chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu được tiến hành ở năm nước sáng lập ASEAN trong những năm 50 - 60 của thế kỉ XX?

- A. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
- B. Chi phí sản xuất cao dẫn đến tình trạng thua lỗ.
- C. Phụ thuộc nhiều vào vốn và thị trường bên ngoài.
- D. Thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ sản xuất.

Câu 15. Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, Chính phủ Bru-nây thi hành chính sách

- A. phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.
- B. cải cách đất nước, lấy đổi mới về chính trị làm trọng tâm.
- C. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- D. đa dạng hoá nền kinh tế, gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Câu 16. Quốc gia nào ở Đông Nam Á được coi là một trong 4 “con rồng” của kinh tế châu Á?

- A. Việt Nam.
- B. Thái Lan.
- C. Xin-ga-po.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 17. Đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Việt Nam, Lào, cam-pu-chia bắt đầu

- A. lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. tiến hành công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.
- C. đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- D. cải cách đất nước một cách toàn diện, trong đó đổi mới chính trị là trọng tâm.

Câu 18. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
- D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 19. Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa ngoại lai của chính quyền thực dân tác động như thế nào đến nền văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh.
- B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước.
- C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống.
- D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

Câu 20. Ở In-đô-nê-xi-a, từ cuối thế kỉ XVI, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan bùng nổ mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

- A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô.
- B. Hoàng thân Si-vô-tha.
- C. Đa-ga-hô.
- D. A-cha-xoa.

Câu 21. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Phi-líp-pin diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

- A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô.
- B. Hoàng thân Si-vô-tha.
- C. Đa-ga-hô.
- D. A-cha-xoa.

Câu 22. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhân dân Phi-líp-pin nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. thực dân Anh.
- B. thực dân Pháp.
- C. thực dân Tây Ban Nha.
- D. thực dân Hà Lan.

Câu 24. Một trong những cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Cam-pu-chia chống lại ách cai trị của thực dân Pháp là: khởi nghĩa của

A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô. B. Hoàng thân Si-vô-tha. C. Đa-ga-hô. D. A-cha-xoa..

Câu 24. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Mi-an-ma nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

A. thực dân Anh. B. thực dân Pháp.

C. thực dân Tây Ban Nha. D. thực dân Hà Lan.

Câu 25. Để áp đặt được ách độ hộ trên toàn bộ đất nước Việt Nam, thực dân Pháp đã phải mất

A. 30 năm. B. 28 năm. C. 26 năm. D. 24 năm.

BÀI 7 : KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?

A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.

B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.

C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.

D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Câu 2. Việt Nam được coi là “cầu nối” giữa Trung Quốc với khu vực nào?

A. Đông Bắc Á B. Đông Nam Á C. Tây Nam Á. D. Nam Á.

Câu 3. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với

A. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.

B. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.

C. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.

D. tình hình văn hóa - xã hội của quốc gia.

Câu 4. Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố dân gian sau đây?

“Đó ai trên Bạch Đằng giang,

Làm cho cọc nhọn dọc ngang sáng ngời,

Phá quân Nam Hán tới bờ,

Giương thần độc lập giữa trời vang lên?”

A. Lê Hoàn. B. Ngô Quyền. C. Trần Hưng Đạo.

D. Dương Đình

Nghệ.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng ở Việt Nam (năm 938)?

A. Quân Nam Hán chủ quan, hiếu chiến, không thông thạo địa hình.

B. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.

C. Quân Nam Hán lực lượng ít, khí thế chiến đấu kém cỏi, vũ khí thô sơ.

D. Tài thao lược và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền cùng các tướng lĩnh khác.

Câu 7. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê kết thúc thắng lợi là bởi

A. quân dân Đại Cồ Việt đã chiến đấu anh dũng.

B. Lê Hoàn đề nghị giảng hòa để giảm bớt hao tổn.

C. nhà Tống bị hao tổn binh lực nên chủ động rút quân.

D. nhà Tống nhận thấy việc xâm lược Đại Việt là phi nghĩa.

Câu 10. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước để

A. chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp. B. kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.

C. chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc. D. kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

Câu 11. Cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân nhà Lý đặt dưới sự lãnh đạo của

A. Lê Long Đĩnh. B. Lý Thường Kiệt. C. Lê Lợi. D. Lê Hoàn

Câu 12. Lý Thường Kiệt chọn khúc sông Như Nguyệt làm phòng tuyến chặn quân Tống xâm lược vì dòng sông này

A. nằm ở ven biển có thể chặn giặc từ biển vào.

- B. là biên giới tự nhiên ngăn cách Đại Việt và Tống.
- C. chặn ngang con đường bộ để tiến vào Thăng Long.
- D. là con đường thủy duy nhất để tiến vào Đại Việt.

Câu 13. Cách kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt có gì độc đáo?

- A. Chủ động đề nghị giảng hoà.
- B. Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.
- C. Tổng tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng.
- D. Tổ chức Hội thề Đông Quan với đại diện quân Tống.

Câu 14. Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên ở thế kỉ XIII gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào?

- A. Nhà Tiền Lê.
- B. Nhà Lý.
- C. Nhà Trần.
- D. Nhà Hồ.

Câu 15. Khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long (năm 1258), vua Trần đã chỉ đạo nhân dân thực hiện chủ trương

- A. kiên quyết chống trả để bảo vệ Kinh đô.
- B. “Vườn không nhà trống”.
- C. tấn công trước để chặn thế mạnh của giặc.
- D. đầu hàng quân giặc để tránh tổn thất.

Câu 16. Tác giả của câu nói: “*Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo*” là

- A. Trần Bình Trọng.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Quốc Tuấn.
- D. Trần Khánh Dư.

Câu 17. Nội dung nào *không* thể hiện chính xác nguyên nhân ba lần giặc Mông- Nguyên thất bại trong cuộc xâm lược Đại Việt?

- A. Đường lối quân sự của Đại Việt rất độc đáo, linh hoạt, sáng tạo.
- B. Lực lượng quân Mông- Nguyên ít, khí thế chiến đấu kém cỏi.
- C. Đại Việt có đội ngũ tướng lĩnh tài giỏi với nhiều danh tiếng kiệt xuất.
- D. Nhân dân Đại Việt có lòng yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm.

Câu 18. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay, chúng ta có thể vận dụng bài học kinh nghiệm nào từ thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên dưới thời Trần?

- A. Tiến công giặc một cách thần tốc, bất ngờ.
- B. Tập trung vào việc xây dựng thành lũy kiên cố.
- C. Bồi dưỡng sức dân, củng cố khối đoàn kết dân tộc.
- D. Chủ động tấn công để chặn trước thế mạnh của giặc.

Câu 19. Trận Bạch Đằng năm 938 (do Ngô Quyền lãnh đạo) với trận Bạch Đằng năm 1288 (do Trần Quốc Tuấn lãnh đạo) đều

- A. diễn ra khi giặc từ ngoài biển tiến vào.
- B. diễn ra khi quân giặc rút lui về nước.
- C. giết chết được chủ tướng của quân giặc
- D. sử dụng kế sách “đóng cọc gỗ”.

Câu 20. Nguyễn Huệ lựa chọn đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm nơi quyết chiến với quân Xiêm, vì

- A. nơi này là biên giới tự nhiên ngăn cách lãnh thổ Việt - Xiêm.
- B. đoạn sông này chặn ngang mọi con đường tiến vào Thăng Long.
- C. quân Xiêm chỉ tiến sang xâm lược Đại Việt theo con đường thủy.
- D. nơi này có địa thế hiểm trở, phù hợp cho bố trí trận địa mai phục.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây *không* phản ánh đúng nét độc đáo trong cách đánh của quân Tây Sơn khi chiến đấu với quân Mãn Thanh xâm lược (1788 - 1789)?

- A. Rút lui nhằm tránh thế giặc mạnh và bảo toàn lực lượng.
- B. Chú trọng xây dựng phòng tuyến tại Tam Điệp - Biện Sơn.
- C. Chủ động tấn công để chặn trước thế mạnh của giặc Thanh.
- D. Tiến công bí mật, thần tốc, táo bạo vào các căn cứ của giặc.

Câu 22. Nguyên nhân chủ quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Quân giặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược.
- B. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.
- C. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.
- D. Quân giặc không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt.

Câu 23. Nguyên nhân khách quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.
- B. Các cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam mang tính chính nghĩa.
- C. Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.
- D. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.

Câu 24. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của Nhà nước Âu Lạc?

- A. Nội bộ Nhà nước Âu Lạc mất đoàn kết.
- B. Nước Âu Lạc không có thành lũy kiên cố, vũ khí thô sơ.
- C. Triệu Đà dùng kế nội gián để phá hoại, do thám tình hình.
- D. An Dương Vương chủ quan, thiếu cảnh giác trước kẻ thù.

Câu 25. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ (1406 - 1407) thất bại đã để lại bài học kinh nghiệm nào cho các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc sau này?

- A. Xây dựng thành lũy chiến đấu kiên cố.
- B. Quy tụ những tướng lĩnh tài giỏi.
- C. Đoàn kết được lực lượng toàn dân.
- D. Xây dựng lực lượng quân sự mạnh.

Câu 26. Nguyên nhân sâu xa thúc đẩy thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX là gì?

- A. Nhu cầu ngày càng cao của tư bản Pháp về vốn, nhân công và thị trường.
- B. Triều đình nhà Nguyễn cấm thương nhân Pháp đến Việt Nam buôn bán.
- C. Chính sách “cấm đạo”, “bế quan tỏa cảng” của triều đình nhà Nguyễn.
- D. Triều đình nhà Nguyễn trả tối hậu thư cho Pháp không đúng hạn.

Câu 27. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ đã

- A. thất bại, Đại Ngu rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.
- B. thắng lợi, bảo vệ được nền độc lập, tự chủ của dân tộc.
- C. thắng lợi, đập tan ý chí xâm lược Đại Ngu của nhà Minh.
- D. thất bại, Đại Ngu tuy độc lập nhưng phải thần phục nhà Minh.

Câu 28. Hiệp ước Patenôt (1884) được ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp là mốc đánh dấu

- A. các vua nhà Nguyễn hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp.
- B. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam.
- C. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam.
- D. phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng Pháp.

Câu 29. Nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

- A. Không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân.
- B. Không có tướng lĩnh tài giỏi, quân đội mạnh.
- C. Không có vũ khí hiện đại, thành lũy kiên cố.
- D. Nhân dân bị khuất phục trước sức mạnh của giặc.

Câu 30. Nội dung nào sau đây *không phản ánh đúng* nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

- A. Tương quan lực lượng quá chênh lệch.
- B. Những sai lầm trong đường lối kháng chiến.
- C. Không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân.
- D. Không có tướng lĩnh tài giỏi, thành lũy kiên cố.

BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (Từ thế kỉ III TCN - cuối thế kỉ XIX)

CÂU 1: Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu chống lại chính quyền cai trị nào?

- A. Nhà Hán
- B. Nhà Ngô
- C. Nhà Lương
- D. Nhà Tuỳ

Câu 2. Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố dân gian dưới đây?

*“Lấy Dạ Trạch làm nơi kháng chiến,
Mơ ngày về đánh chiếm Long Biên
Nhiều năm kham khổ liên miên
Hỏi ai ngang dọc khắp miền sậy lau?”*

A. Mai Thúc Loan. B. Triệu Thị Trinh. C. Triệu Quang Phục. D. Dương Đình Nghệ.

Câu 3. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43) và khởi nghĩa Lý Bí (542 - 603) đều

- A. giành và giữ được chính quyền độc lập trong gần 60 năm.
- B. diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến.
- C. giành thắng lợi, khôi phục được nền độc lập của người Việt.
- D. chống lại ách cai trị hà khắc, tàn bạo của nhà Lương.

Câu 4. Năm 776, Phùng Hưng đã lãnh đạo người Việt nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. nhà Hán. B. nhà Ngô. C. nhà Tùy. D. nhà Đường.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng về các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc của người Việt.
- B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh yêu nước sau này.
- C. Minh chứng cho tinh thần bất khuất không cam chịu làm nô lệ của người Việt.
- D. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ là nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh.

Câu 6. Người lãnh đạo tối cao của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) là

- A. Lê Lợi. B. Lê Hoàn. C. Nguyễn Huệ. D. Nguyễn Nhạc.

Câu 7. Điểm tương đồng trong đường lối chỉ đạo chiến đấu giữa cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý và khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

- A. Phòng ngự tích cực thông qua chiến thuật “vườn không nhà trống”.
- B. Triệt để thực hiện kế sách đánh nhanh thắng nhanh, tấn công thần tốc.
- C. Chủ động giảng hòa để kết thúc chiến tranh, tránh thiệt hại cho cả hai bên.
- D. Chủ động tiến công để chặn trước thế mạnh của địch (“tiên phát chế nhân”).

Câu 8. Tháng 10/1427, khi Liễu Thăng dẫn quân Minh ồ ạt tiến vào Việt Nam, chúng đã bị nghĩa quân Lam Sơn phục kích và giết ở đâu?

- A. Nam Quan. B. Đông Quan. C. Chi Lăng. D. Vân Nam.

Câu 9. Năm 1424, Nguyễn Chích đề nghị nghĩa quân Lam Sơn tạm rời núi rừng Thanh Hóa, chuyển quân

- A. ra Đông Đô. B. vào Nghệ An. C. vào Hà Tĩnh. D. lên núi Chí Linh.

Câu 10. Trong giai đoạn đầu của khởi nghĩa (1418 -1423), nghĩa quân Lam Sơn ở trong tình trạng thế nào?

- A. Lực lượng nghĩa quân đông đảo và hùng mạnh.
- B. Lực lượng nghĩa quân còn yếu, gặp nhiều khó khăn.
- C. Liên tiếp giành thắng lợi, buộc địch phải rút quân.
- D. Giành nhiều thắng lợi, địa bàn hoạt động được mở rộng.

Câu 11. Cuối năm 1426, nghĩa quân Lam Sơn đã giành chiến thắng ở

- A. Chi Lăng - Xương Giang. B. Ngọc Hồi - Đống Đa.
- C. Tốt Động - Chúc Động. D. Rạch Gầm - Xoài Mút.

Câu 12. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi có ý nghĩa như thế nào?

- A. Khôi phục nền độc lập, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.
- B. lật đổ ách thống trị của nhà Minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập.
- C. Mở ra thời kì phát triển mới của quốc gia Đại Việt - thời Tiền Lê.
- D. Buộc nhà Minh phải lệ thuộc và thực hiện triều cống với Đại Việt.

Câu 13. Đoạn tư liệu dưới đây phản ánh vấn đề nào trong xã hội ở Đàng Trong giữa thế kỉ XVIII?

Tư liệu. “Việc buôn bán gặp khó khăn vì “muốn công việc được dễ dàng, trôi chảy thì phải có lễ vật đút lót, hối lộ cho bọn quan lại, hào trưởng; nếu không thì bị trộm cắp, bị gặp mọi điều trở ngại, phiền phức”. (C. Mi-bon, *Lịch sử An Nam hiện đại*, Pa-ri, 1919, trang 163)

A. Sự phát triển của kinh tế Đàng Trong.

B. Đời sống thanh bình, thịnh trị, ấm no.

C. Quan lại tham nhũng, hà hiếp dân chúng.

D. Sự ổn định của chính quyền chúa Nguyễn.

Câu 14. Sự suy yếu, khủng hoảng của chính quyền phong kiến chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào giữa thế kỉ XVIII đã dẫn đến hậu quả gì?

A. Nông dân Đàng Trong vùng lên khởi nghĩa chống lại chính quyền.

B. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà Minh xâm lược lãnh thổ Đại Việt.

C. Bùng nổ cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở vùng Điện Biên.

D. Tạo điều kiện cho thực dân Pháp mở rộng xâm lược Việt Nam.

Câu 15. Đến giữa năm 1774, nghĩa quân Tây Sơn đã làm chủ được một vùng rộng lớn từ

A. Quảng Nam đến Bình Thuận.

B. Bình Thuận đến Gia Định.

C. Quảng Nam đến Gia Định.

D. Phú Xuân đến Gia Định.

Câu 16. Trận đánh nào có ý nghĩa quyết định tới thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống quân Xiêm của nghĩa quân Tây Sơn (1785)?

A. Tốt Động - Chúc Động.

B. Rạch Gầm - Xoài Mút.

C. Chi Lăng - Xương Giang.

D. Ngọc Hồi - Đống Đa.

Câu 17. Thắng lợi của quân Tây Sơn trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Mãn Thanh (1789) có ý nghĩa như thế nào?

A. Giành lại chính quyền tự chủ từ tay quân Thanh.

B. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

C. Tạo điều kiện cho sự thống nhất quốc gia.

D. Bảo vệ được nền độc lập của đất nước.

Câu 18. Với việc đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh, Nguyễn, phong trào Tây Sơn đã có đóng góp gì cho lịch sử dân tộc?

A. Hoàn thành việc thống nhất đất nước sau nhiều thế kỉ bị chia cắt.

B. Xóa bỏ sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài, bước đầu thống nhất đất nước.

C. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

D. Thiết lập vương triều mới (Tây Sơn) tiến bộ hơn chính quyền Lê - Trịnh, Nguyễn.

Câu 19. Nội dung nào sau đây *không phản ánh đúng* bài học lịch sử rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Luôn nhân nhượng kẻ thù xâm lược để giữ môi trường hòa bình.

B. Chú trọng việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

C. Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện “toàn dân đánh giặc”.

D. Phát động khẩu hiệu đấu tranh phù hợp để tập hợp lực lượng.

Câu 20. Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây đã mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ của người Việt dưới thời Bắc thuộc?

A. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

C. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

D. Khởi nghĩa Bà Triệu.

Câu 21. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã

A. giành và giữ được chính quyền độc lập trong khoảng 60 năm.

B. thắng lợi, lật đổ ách cai trị của nhà Ngô, giành độc lập dân tộc.

C. chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.

D. thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí anh hùng của phụ nữ Việt Nam.

Câu 22. Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng: “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở bể Đông, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm ti tiện người ta”?

A. Lê Chân.

B. Bùi Thị Xuân.

C. Triệu Thị Trinh.

D. Nguyễn Thị Định.

Câu 23. Việc những người phụ nữ như: Trưng Trắc, Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh,... lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa lớn nhằm giành lại nền độc lập, tự chủ đã cho thấy

- A. vai trò, vị trí quan trọng và nổi bật của phụ nữ trong xã hội đương thời.
- B. sự áp đảo và thắng lợi của chế độ mẫu quyền trước chế độ phụ quyền.
- C. nam giới không có vai trò, vị trí gì trong đời sống chính trị đương thời.
- D. vai trò quyết định của người phụ nữ trong đời sống chính trị đương thời.

Câu 24. Năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập ra nhà nước

- A. Vạn An.
- B. Đại Nam.
- C. Đại Việt.
- D. Vạn Xuân.

PHẦN II: TỰ LUẬN(3 điểm)

- Câu 1 (2 điểm) : HS ôn tập bài 7

+ Vị trí chiến lược của Việt Nam, vai trò, Ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc trong lịch sử Việt Nam

+ Một số cuộc kháng chiến thắng lợi và không thành công trong lịch sử Việt Nam trước cách mạng tháng Tám . Nguyên nhân thắng lợi và nguyên nhân không thành công của các cuộc kháng chiến đó.

- Câu 2 (1 điểm) : HS ôn tập bài 8

+ Một số cuộc khởi nghĩa thời Bắc thuộc , Khởi nghĩa Lam Sơn và Phong trào Tây Sơn.

+ Bài học lịch sử và liên hệ thực tiễn

HS soạn đề cương và học . Chúc các em ôn tập Tốt để đạt kết quả cao

----- Hết -----